

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2020/DS-ST.

Ngày: 22/9/2020.

V/v: “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai;

2. Bà Hồ Thị Mai Hương;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Hồng Thắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Tèo - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 21 tháng 7, 19 tháng 8, 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2020/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 05/2020/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số: 06/TB-TA ngày 20 tháng 7 năm 2020, Thông báo mở lại phiên tòa số: 35/TB-TA ngày 07 tháng 8 năm 2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 17/2020/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020, Thông báo mở lại phiên tòa số: 09/TB-TA ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: số nhà 21/4, tổ 41, khóm Mỹ T, thị trấn Mỹ T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Thanh T là ông Vũ Tuấn A, sinh năm 1970; Địa chỉ: số 103, đường Chi L, phường 3, thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 09/12/2019)

2. Bị đơn: 2.1. Ông Trà Văn L, sinh năm 1976;

2.2. Bà Huỳnh Thị Ngọc L, sinh năm 1978;

2.3. Anh Trà Văn Q, sinh năm 1999;

Cùng địa chỉ: tổ 10, khóm Mỹ T, thị trấn Mỹ T, huyện Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Tuấn A có mặt tại phiên tòa, bà L, ông L, anh Q vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 09/12/2019, đơn rút một phần khởi kiện ngày 03/8/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T ủy quyền cho ông Vũ Tuấn A trình bày:

Bà T với ông L, bà L, anh Q là chỗ thân quen nên bà T có cho ông L, bà L, anh Q vay tiền các lần cụ thể như sau:

Ngày 06/11/2017, vay 102.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận và thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng. Sau đó, ông L, bà L, anh Q trả cho bà T số tiền 2.000.000 đồng, còn nợ 100.000.000 đồng. Từ ngày 06/11/2017 đến ngày 11/6/2018 (7 tháng 05 ngày), ông L, bà L, anh Q đã trả được 14.333.000 đồng tiền lãi (lãi suất 2%/tháng). Nếu lãi suất là 1,66%/tháng thì tiền lãi từ ngày 06/11/2017 đến 11/6/2018 là 11.896.000 đồng, chênh lệch là 2.437.000 đồng trừ vào 100.000.000 đồng tiền gốc thì ông L, bà L, anh Q còn nợ 97.563.000 đồng.

Ngày 11/6/2018, bà L có làm biên nhận vay của bà T số tiền 75.000.000 đồng thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng. Từ khi vay đến nay, bà L chưa đóng khoản tiền lãi nào cho bà T.

Tổng cộng hai khoản nợ mà ông L, bà L, anh Q đã vay của bà T là 172.563.000 đồng và lãi suất đối với số tiền trên là 1,66%/tháng từ 12/6/2018 đến ngày 09/12/2019 (17 tháng 27 ngày) là 51.275.000 đồng.

Bà Lê Thị Thanh T yêu cầu, ông Trà Văn L, bà Huỳnh Thị Ngọc L và anh Trần Văn Q có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền gốc 172.563.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 09/12/2019, lãi suất 1,66%/tháng là 51.275.000 đồng, tổng cộng số tiền là 223.838.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 10/12/2019 đến khi giải quyết xong vụ án, lãi suất 1,66%/tháng.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu bà L, anh Q liên đới trả 172.563.000 đồng và tính lãi từ ngày 12/6/2018 đến ngày 22/9/2020, lãi suất 1,66%/tháng. Bà T không yêu cầu ông L liên đới trả nợ.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2020 và văn bản ý kiến ngày 20/7/2020, văn bản ý kiến ngày 03/8/2020 bị đơn là bà Huỳnh Thị Ngọc L, anh Trà Văn Q trình bày:

Ngày 06/11/2017, bà L và anh Q có vay của bà T số tiền 102.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận, nội dung biên nhận do ông L viết, bà L, ông L, anh Q ký tên vào biên nhận. Bà L, anh Q là người nhận tiền 102.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng. Bà L đã trả cho bà T 2.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi 14.333.000 đồng.

Ngày 11/6/2018, bà L và anh Q vay của bà T số tiền 75.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận, biên nhận do bà L viết và ký tên. Bà L khẳng định khi vay tiền ông L, anh Q biết. Các bên thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng.

Nay, bà L và anh Q đồng ý trả cho bà T tiền vốn gốc 172.563.000 đồng và tiền lãi từ ngày 12/6/2018 đến ngày 22/9/2020, lãi suất 1,66%/tháng.

Ông Trà Văn L, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không gửi văn bản cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định, nên không có kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, xét xử vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì: Bà L, anh Q có văn bản ý kiến có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ T thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn và đồng ý trả tiền vốn và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Tại phiên tòa, bà T không yêu cầu ông L liên đới trả nợ nên đề nghị hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L, anh Q liên đới trả số tiền 172.563.000 đồng và tiền lãi 78.202.099 đồng, tổng cộng số tiền là 250.765.099 đồng. Bà L, anh Q đồng ý trả số tiền vốn và tiền lãi theo yêu cầu của bà T. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự - Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Do các bị đơn có địa chỉ: khóm Mỹ T, TT. Mỹ T, huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sự có mặt của đương sự: Bà L, anh Q, ông L đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Do đó, hội đồng xét xử quyết định xét xử phiên tòa theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[4] Xét thấy, tại phiên tòa bà T không yêu cầu ông L liên đới trả nợ. Do đó, đình chỉ một phần yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ông L liên đới trả nợ.

[5] Xét yêu cầu của bà T yêu cầu bà L, anh Q liên đới trả số tiền vốn gốc 172.563.000 đồng và 78.202.099 đồng, tổng cộng số tiền là 250.765.099 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2020 và văn bản ý kiến ngày 20/7/2020 và ngày 03/8/2020 bà L, anh Q thừa nhận ngày 06/11/2017 bà L, anh Q có vay của bà T 102.000.000 đồng. Sau đó, bà L đã trả 2.000.000 đồng tiền vốn. Ngày 11/6/2018, bà L ký biên nhận vay của bà T 75.000.000 đồng và bà L thừa nhận khi vay ông L, anh Q biết. Bà L, anh Q đồng ý trả cho bà T tiền vốn 175.000.000 đồng. Bà T thừa nhận bà L đã trả 14.333.000 đồng tiền lãi (07 tháng 05 ngày lãi suất 02%/tháng) và đồng ý căn trừ số tiền lãi vượt quá lãi suất 1,66% tương đương số tiền 2.437.000 đồng vào tiền vốn. Bà L, anh Q đồng ý trả tiền lãi tính từ ngày 12/6/2018 đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất 1,66% của số tiền 175.000.000 đồng. Từ những nhận định trên, hội đồng xét xử sơ thẩm đủ căn cứ để xác định ngày 06/11/2017 bà L, anh Q có vay 102.000.000 đồng, bà L đã trả

2.000.000 đồng tiền vốn, ngày 11/6/2018 vay 75.000.000 đồng của bà T là có thật. Các biên nhận ngày 06/11/2017, 11/6/2018 các bên không thỏa thuận lãi suất. Bà T xác định lãi suất thỏa thuận miệng 2%/tháng và bà L thống nhất. Bà L, anh Q đồng ý trả tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 12/6/2018 đến khi giải quyết xong vụ kiện. Do đó, buộc bà L, anh Q có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vốn 172.563.000 đồng và tiền lãi từ ngày 12/6/2018 đến ngày 22/9/2020 với mức lãi 1,66%/tháng thành tiền 78.202.099 đồng, tổng cộng số tiền là 250.765.099 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 157 Bộ Luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 bà Lê Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 5.590.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Huỳnh Thị Ngọc L và anh Trà Văn Q phải nộp 12.538.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 157, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh T về việc yêu cầu ông Trà Văn L liên đới trả nợ.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thanh T. Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc L và anh Trà Văn Q có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Thanh T số tiền vốn 172.563.000 đồng và tiền lãi 78.202.099 đồng, tổng cộng số tiền là 250.765.099 đồng (Hai trăm năm mươi triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn không trăm chín mươi chín đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

- + Bà Lê Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 5.590.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0009485 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- + Bà Huỳnh Thị Ngọc L và anh Trà Văn Q phải nộp 12.538.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu (HS).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Hữu Hà